

Số: 124 /QĐ-THPNA

Uông Bí, ngày 04 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu - chi NSNN quý I năm 2025
của Trường tiểu học Phương Nam A**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯƠNG NAM A

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6488/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-PGDĐT ngày 03/01/2025 của Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Uông Bí về việc giao Dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Tổ văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán Thu - Chi NSNN Quý 1 năm 2025 của trường Tiểu học Phương Nam A.

Điều 2. Thời gian công khai: 90 ngày, kể từ ngày 04/4/2025 đến hết ngày 04/7/2025.

Điều 3. Các ông (bà) Ban giám hiệu, kế toán, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bảng tin nhà trường;
- Cổng TTĐT nhà trường;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Minh Toàn

Uông Bí, ngày 04 tháng 4 năm 2025

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai dự toán Thu - Chi NSNN Quý 1 năm 2025
của trường Tiểu học Phương Nam A**

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-TBTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-TBTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-TBTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6488/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-PGDĐT ngày 03/01/2025 của Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Uông Bí về việc công khai Dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-THPNA ngày 04/4/2025 của trường Tiểu học Phương Nam A về việc công khai dự toán thu - chi NSNN Quý 1 năm 2025.

Hôm nay, vào hồi 15h10' ngày 04/4/2025, tại trường Tiểu học Phương Nam A.

1. Thành phần:

- | | |
|--|------------------------|
| - Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 26/26 đ/c vắng: 0 | |
| - Chủ trì: Đ/c Đinh Thị Minh Toàn | - Chức vụ: Hiệu trưởng |
| - Đại diện Công đoàn: Đ/c Trần Thu Hà | - Chức vụ: Chủ tịch CĐ |
| - Đại diện tổ Tài chính: Đ/c Phùng Thị Huyền Trang | - Chức vụ: Kế toán |
| - Người ghi biên bản: Lê Thị Phương | - Chức vụ: Thư ký |

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai dự toán thu - chi NSNN Quý 1 năm 2025 của trường Tiểu học Phương Nam A (kèm theo bản dự toán thu - chi ngân sách Quý 1 năm 2025 của trường Tiểu học Phương Nam A).

2.2. Thời gian niêm yết: 90 ngày, kể từ ngày 04/4/2025 đến hết ngày 04/7/2025.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông báo của trường Tiểu học Phương Nam A, phường Phương Nam thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai trên, đề nghị gửi kiến nghị về Trường (qua Đ/C Lê Thị Phụng - Chức vụ: Giáo viên, thư ký HĐ- SĐT: 0975116486) để tổng hợp, giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn dự toán thu - chi NSNN Quý 1 năm 2025 của trường Tiểu học Phương Nam A từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 15h25' cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và công khai.

THƯ KÝ

Lê Thị Phụng

KẾ TOÁN

Phùng Thị Huyền Trang



Trần Thu Hà

**CHỦ TRÌ
HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Thị Minh Toàn

Đơn vị: Trường Tiểu học Phương Nam A
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mô ng. B. i., ngày 04 tháng 4 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		1.359		
I	Nguồn ngân sách trong nước		1.359		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		1.359		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.186		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		173		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Đơn vị: Trường Tiểu học Phương Nam A
Chương: 622

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 4 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



Đinh Thị Minh Toàn

Mã chương: 622

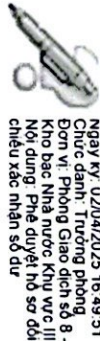
Đơn vị: Trường tiểu học phương nam A

Mã DVQHNS: 10932291

Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/DVDT



BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 / Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	0	229.700.000	491.225.000	491.225.000	491.225.000	172.913.947	172.913.947	0	0	0	318.311.053
13	072	00000	0	4.784.969.000	4.784.969.000	4.784.969.000	4.784.969.000	1.186.271.866	1.186.271.866	0	0	0	3.598.697.134
18	072	00000	0	216.000.000	216.000.000	216.000.000	216.000.000	0	0	0	0	0	216.000.000
Cộng:			0	5.230.669.000	5.492.194.000	5.492.194.000	5.492.194.000	1.359.185.813	1.359.185.813	0	0	0	4.133.008.187

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hoàng Cúc

Người ký: Đoàn Văn Quân
Ngày ký: 02/04/2025 16:49:31
Chức danh: Trưởng phòng Kế toán
Đơn vị: Phòng Giáo dục số 8 - Khoa Bắc Nhà nước Khu vực III
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đòi chiếu xác nhận số dư

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Hoàng Thị Thanh Trang
Ngày ký: 31/03/2025 11:06:38
Chức danh: Trưởng tiểu học phương nam A

Người ký: Đoàn Văn Quân
Ngày ký: 31/03/2025 11:10:58
Chức danh: Trưởng tiểu học phương nam A

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường tiểu học phương nam A
Mã DVQHNS: 1093291
Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/BVDT

BẢNG ĐỔI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quy 1 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	515.712.602	515.712.602	515.712.602	515.712.602
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	10.179.000	10.179.000	10.179.000	10.179.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	183.570.660	183.570.660	183.570.660	183.570.660
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	702.000	702.000	702.000	702.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	81.921.996	81.921.996	81.921.996	81.921.996
Chi khác	13	072	6299	00000	0	0	6.290.000	6.290.000	6.290.000	6.290.000
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	106.367.380	106.367.380	106.367.380	106.367.380
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	18.234.408	18.234.408	18.234.408	18.234.408
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	0	0	12.156.272	12.156.272	12.156.272	12.156.272
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	6.078.136	6.078.136	6.078.136	6.078.136
Chi khác	13	072	6449	00000	0	0	4.352.400	4.352.400	4.352.400	4.352.400
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	2.689.496	2.689.496	2.689.496	2.689.496
Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	1.586.616	1.586.616	1.586.616	1.586.616
Văn phòng phẩm	13	072	6551	00000	0	0	25.740.000	25.740.000	25.740.000	25.740.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	072	6552	00000	0	0	23.050.000	23.050.000	23.050.000	23.050.000
Thuế bao kính vệ tinh, thuế bao cấp truyền hình, cước phí Internet, thuế đường truyền mạng	13	072	6605	00000	0	0	1.470.000	1.470.000	1.470.000	1.470.000

Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	072	6608	00000	0	0	4.246.400	4.246.400	4.246.400	4.246.400
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	072	6701	00000	0	0	80.000	80.000	80.000	80.000
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	0	0	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000
Thuế lao động trong nước	13	072	6757	00000	0	0	44.640.000	44.640.000	44.640.000	44.640.000
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	072	7004	00000	0	0	9.195.000	9.195.000	9.195.000	9.195.000
Chi khác	13	072	7049	00000	0	0	90.725.000	90.725.000	90.725.000	90.725.000
Chi các khoản phí và lệ phí	13	072	7756	00000	0	0	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Chi các khoản khác	13	072	7799	00000	0	0	32.784.500	32.784.500	32.784.500	32.784.500
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	072	6051	00000	0	0	82.500.000	82.500.000	82.500.000	82.500.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	072	6112	00000	0	0	28.875.000	28.875.000	28.875.000	28.875.000
Phụ cấp khác	12	072	6149	00000	0	0	42.151.447	42.151.447	42.151.447	42.151.447
Bảo hiểm xã hội	12	072	6301	00000	0	0	14.437.500	14.437.500	14.437.500	14.437.500
Bảo hiểm y tế	12	072	6302	00000	0	0	2.475.000	2.475.000	2.475.000	2.475.000
Kinh phí công đoàn	12	072	6303	00000	0	0	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000
Bảo hiểm thất nghiệp	12	072	6304	00000	0	0	825.000	825.000	825.000	825.000
Phân KBBN ghi:	Cộng: 0 - 0 1.359.185.813 1.359.185.813 1.359.185.813 1.359.185.813									

Ghi chú: KBBN chi ghi vào "Phân KBBN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBBN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBBN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)